

Bản án số: 34 /2022/HS-ST

Ngày: 20/05/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

- Ông **Lê Văn Hoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Hưng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 05 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST- HS ngày 25 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29 /2022/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 05 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Phùng Danh T, sinh năm: 1986; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Thôn TH, xã PS, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Trình độ văn hoá: 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Không xác định, Con bà: Phùng Thị D2, sinh năm 1962; Vợ: Lê Thị Hoa C2, sinh năm 1984; Con: có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phùng Văn Đ, sinh năm: 1991; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Thôn TH, xã PS, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Trình độ văn hoá: 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông:

Phùng Văn H2, sinh năm 1962, Con bà: Phùng Thị M2, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phùng Đăng Tr, sinh năm: 1976; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: Thôn TH, xã PS, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Trình độ văn hoá: 9 /12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phùng Đăng N2, sinh năm 1940, Con bà: Phùng Thị M3, sinh năm 1939; Vợ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1983; Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phùng Thị L, sinh năm: 1980; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: Thôn ĐH, xã PS, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Trình độ văn hoá: 04/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phùng Nghĩa V2, sinh năm 1955, Con bà: Chu Thị T2, sinh năm 1957; Chồng: Phùng Như H3, sinh năm 1975; Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường BV.

Địa chỉ: Thôn HĐ, thị trấn TĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Người Đ diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Kh - Chức vụ: Giám đốc

Người Đ diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức L1 – Chức vụ: Phó Giám đốc.

(anh L1 vắng mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn TH, xã PS, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

(chị Ng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Danh T và Phùng Văn Đ ở gần Nhà máy nước. T và Đ biết trong nhà máy đang xây dựng có nhiều tài sản là sắt xây dựng và nhà máy có nhiều sơ hở trong việc trông nom, bảo vệ, Phùng Danh T đã nảy sinh ý định vào nhà máy để trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài T rủ Phùng Văn Đ trộm cắp cùng. Trước khi thực hiện ý định trộm cắp tài sản của nhà máy, T tìm đến gặp Phùng Thị L làm nghề thu mua phế liệu để trao đổi với L việc T có sắt phế liệu muốn bán. L biết T không có nhiều sắt để bán mà là đi trộm cắp được, nhưng do háo lợi nên L vẫn đồng ý và thỏa thuận với T về địa điểm thu mua sắt vụn tại trang trại của L ở giữa cánh đồng thôn ĐH – PS (nơi ít người qua lại để tránh bị phát hiện), giá thu mua là 8.000đ/01 kg. Tiếp đó, T thỏa thuận với Phùng Đăng Tr (làm nghề lái xe tải) về việc sau khi T trộm cắp được sắt trong nhà máy nước thì sẽ gọi điện thoại cho Tr đi xe đến chở sắt đi bán, mỗi chuyến T sẽ trả cho Tr số tiền 150.000đ.

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 6/2021 đến 23/7/2021, Phùng Danh T đã 4 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhà máy nước sạch SĐ (trong đó có 3 lần, T rủ Phùng Văn Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng mình). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ tối một ngày giữa tháng 6/2021 Phùng Danh T mang theo 03 đoạn gậy tre, mỗi đoạn dài khoảng 30cm một mình đi bộ đến khu vực tường bao Nhà máy nước sạch SĐ. Tại đây, T sử dụng 3 đoạn gậy tre cắm vào các lỗ gạch tường bao làm điểm tựa để trèo qua tường bao vào bên trong nhà máy. Khi vào bên trong, T phát hiện thấy có nhiều thanh sắt hộp phế liệu của nhà máy (là những thanh sắt nhà máy đã sử dụng còn thừa bị cong vênh, móp méo) dựng giáp tường bao. T một mình lấy trộm 16 thanh sắt hộp loại (5x10)cm có chiều dài mỗi cây từ 3m - 6m từ bên trong nhà máy nước sạch ra bên ngoài qua bờ tường bao. T vác đến bãi đất trống cách nhà máy khoảng 100m và cất giấu 3 đoạn cây tre ở bụi cây gần tường bao của nhà máy. Sau đó, T gọi

điện thoại cho Tr để thuê Tr đến vận chuyển số sắt trộm được trên đến trang trại của nhà L để bán. Tại trang trại nhà L, T và L đã cân 16 thanh sắt được 250kg. L đã trả cho T số tiền 2.000.000đ. Số tiền này, T trả cho Tr 150.000đ tiền công trở, số tiền còn lại 1.850.000 đồng T đã tiêu xài hết. Sau khi mua được số sắt trên, L đã giữ lại 01 cây sắt còn tương đối nguyên vẹn để sử dụng còn lại những cây sắt phế liệu L đã bán cho người đến thu mua phế liệu tại cửa hàng của L.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày cuối tháng 6/2021, Phùng Danh T gọi điện thoại cho Phùng Văn Đ để rủ Đ cùng T vào Nhà máy nước sạch SĐ trộm cắp tài sản. Đ đồng ý và đi xe máy đến nhà T. Sau đó T mang theo 01 đoạn dây thừng dài 14cm, một đầu của dây thừng buộc móc treo bằng sắt, chiều dài móc treo là 11 cm, rồi lấy 03 đoạn gậy tre cất giấu ở bụi cây rồi cùng Đ đi đến khu vực tường bao Nhà máy nước sạch SĐ. T và Đ dùng 3 đoạn gậy tre cắm vào lỗ gạch tường bao làm điểm tựa để T trèo vào bên trong còn Đ trèo lên đứng ở trên tường bao. Khi vào bên trong nhà máy, T phát hiện có các tấm sắt cốt pha dùng để đổ bê tông ở khu vực bãi đất trống. T đã lần lượt lấy trộm 10 tấm sắt cốt pha diện (1,2x0,6)m đã qua sử dụng mang đến vị trí Đ Sau đó Đ đứng ở trên tường bao thả dây thừng xuống kéo lần lượt 10 tấm sắt cốt pha này qua tường bao ra ngoài. Sau đó, T lại cất 3 đoạn tre vào bụi cây ở chỗ cũ rồi cùng Đ vận chuyển, mang những tấm sắt vừa trộm được về bãi đất trống cách đó khoảng 100m. Sau đó, T gọi điện cho Tr để chở 10 tấm sắt trên đến trang trại nhà L để bán. L và T cân những tấm sắt trên được 400kg. L đã trả cho T số tiền 3.200.000đ. Số tiền này, T trả cho Tr 150.000đ tiền công trở, T chia cho Đ 1.500.000đ, T được 1.500.000đ, còn lại số tiền 50.000đ T và Đ sử dụng để tiêu xài, ngày hôm sau L đã bán 10 tấm sắt nêu trên cho người đi thu mua phế liệu L không biết con người đó ở đâu.

Vụ thứ ba: Khoảng 19h00 ngày 19/7/2021, Phùng Danh T và Phùng Văn Đ tiếp tục vào Nhà máy nước sạch SĐ để trộm cắp tài sản. khi vào bên trong nhà máy, Đ và T phát hiện 07 cây sắt hộp loại (5x10) cm có chiều dài khoảng 5- 6m (trong 07 cây sắt hộp này có một cây sắt hộp được hàn gắn liền với 1 cây sắt hộp

loại (4x8) cm). T và Đ đã cùng nhau lấy trộm 07 cây sắt này mang ra bãi đất trống phía ngoài tường bao của nhà máy. Sau đó, T gọi điện báo Tr lái xe tải đến chở 7 cây sắt hộp mang đến trang trại nhà L để bán. 07 cây sắt này cân được 100kg, L đã trả cho T số tiền 800.000đ. Số tiền này, T trả cho Tr 150.000đ tiền công chở, chia cho Đ 300.000đ, T được 300.000đ. Số tiền 50.000đ còn lại và số tiền được chia, T và Đ sử dụng để tiêu xài hết. Số sắt này L để lại toàn bộ ở trang trại để sử dụng.

Vụ thứ tư: Cũng với phương thức thủ đoạn nêu trên, khoảng 19h00' ngày 23/7/2021, Phùng Danh T và Phùng Văn Đ tiếp tục rủ nhau đột nhập vào Nhà máy nước sạch SĐ để trộm cắp tài sản. Lần này, T và Đ lấy trộm được 65 tấm phen sắt dùng để đổ tấm đan bê tông, được đan bằng sắt xoắn phi 10 tại khu vực bãi đất trống công Tr của nhà máy. Sau đó, T gọi điện thoại báo Tr lái xe tải chở 65 tấm phen sắt đến trang trại nhà Phùng Thị L để bán. Tại đây, L và T cân số sắt được 682,5 kg, nhưng chỉ tính số lượng là 650kg vì phải trừ đi đất, cát dính ở những phen sắt. L đã trả cho T số tiền 5.200.000đ. Số tiền này, T trả cho Tr 150.000đ tiền công trở, chia cho Đ 2.500.000đ, T cầm 2.500.000đ. Số tiền 50.000đ còn lại và số tiền được chia, T và Đ đã sử dụng để tiêu xài hết. Số sắt mua được, L đã bán cho người không quen biết đến thu mua phế liệu tại cửa hàng của L.

Tại CQĐT, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 118/2021/KL-ĐGTS ngày 16 tháng 09 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Vì kết luận:

- 16 (mười sáu) cây sắt hộp, loại (5x10)cm, có chiều dài mỗi cây từ 3-6m, đã qua sử dụng, có tổng trọng lượng 250kg có giá trị là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- 07 (bảy) cây sắt hộp, loại (5x10)cm, có chiều dài mỗi cây từ 3-6m, đã qua sử dụng và 01 (một) cây sắt hộp, loại (4x8)cm có chiều dài 3,15m, đã qua sử dụng, với tổng trọng lượng 100kg có giá trị là: 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)..

- 10 (mười) tấm sắt (loại tấm sắt định hình bê tông), có kích thước (1,2x0,6)m, đã qua sử dụng, có tổng trọng lượng 400kg có giá trị là: 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

- 65 (sáu lăm) tấm phen hình vuông, có diện (95x95)cm, được làm bằng sắt xoắn phi 10, chưa qua sử dụng, có tổng trọng lượng là 682,5kg có giá trị là: 12.216.750đ (Mười hai triệu, hai trăm mười sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Tổng giá trị là: 18.216.750đ (Mười tám triệu, hai trăm mười sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Vật chứng đã thu giữ:

- 12 (mười hai) thanh sắt, loại sắt hộp (5x10)cm có chiều dài lần lượt là 453cm, 411cm, 470cm, 550cm, 320cm, 485cm, 460cm, 335cm, 520cm, 460cm, 455cm, 490cm (đã qua sử dụng); 01 (một) thanh sắt, loại sắt hộp (4x8) cm có chiều dài là 315cm (đã qua sử dụng) là số sắt L mua của Phùng Danh T để lại sử dụng trong trang trại. Vật chứng này, CQĐT đã trả lại cho bị hại là nhà máy nước SD.

- 01 (một) đoạn dây thừng có chiều dài 14cm, một đầu của dây thừng buộc móc treo bằng sắt, chiều dài móc treo là 11 cm dùng để treo tường và vận chuyển sắt trong quá trình trộm cắp tài sản; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu xanh, có số IMEI 1: 352885100526027, số IMEI 2: 352885101526026, có lắp sim số 0325.882.665 và 0857.847.363 do Phùng Danh T tự nguyện giao nộp.

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus, màu vàng, có số IMEI: 355729075006181, có lắp sim số 0868.695.919 .

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, số IMEI 1: 357966105872551, số IMEI 2: 357967105872559, có lắp sim số : 0366.573.442; 01 (một) chiếc cân, loại cân đồng hồ 100kg nhãn hiệu "Nhơn Hoà" dùng để cân sắt;

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hoa Mai, BKS: 29C-806.55, màu sơn xanh, có số máy : QQ160345065D, số khung: 11DDGCA00183 dùng để vận chuyển sắt đi tiêu thụ; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7, màu xanh, có số IMEI 1: 351580103885071, số IMEI 2: 351581103885079, có lắp sim số 0352.789.976 và số sim 0385.481.202.

- 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 37cm, đường kính 1,5 cm; 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 30 cm, đường kính 1,7 cm và 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 31,5 cm, đường kính 1,6 cm là những đoạn gậy tre T, Đ dùng để treo tường và vận chuyển sắt trong quá trình trộm cắp tài sản.

Đối với các vật chứng trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ba Vì để phục vụ quá trình giải quyết án.

Đối với những số tiền mà các bị cáo đã nộp cụ thể T nộp 6.225.000đ; Đ nộp 4.375.000đ; L nộp 400.000 đồng; Tr nộp 600.000 đồng đây là tiền mà các bị cáo thu lời bất chính CQĐT đã trả cho bị hại nên không đề nghị xem xét.

Về dân sự: Anh Nguyễn Đức L1 đại diện nhà máy nước SĐ đã nhận lại tài sản là 13 thanh sắt hộp (tổng trọng lượng 266kg, theo giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 8000đồng/1kg, thành tiền là 2.128.000 đồng) và 16.100.000 đồng tiền mặt mà các bị cáo đã khắc phục hậu quả. Anh L1 không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

* Bản cáo trạng số: 134/2021/CT-VKSBV ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Phùng Danh T, Phùng Văn Đ, Phùng Đăng Tr, Phùng Thị L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát Ba Vì đã nêu. Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa giữ quyền công tố phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b,s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 và nghị quyết 01/2022 ngày 15/04/2022 của HĐTPTANDTC. Xử phạt bị cáo Phùng Danh T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

*Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b,s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 và nghị quyết 01/2022 ngày 15/04/2022 của HĐTPTANDTC; Xử phạt bị cáo Phùng Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; Xử phạt bị cáo Phùng Đăng Tr, Phùng Thị L từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về dân sự: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là 13 thanh sắt hộp tổng trọng lượng 266kg và 16.100.000 đồng tiền mặt mà các bị cáo đã khắc phục hậu quả và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự. Do vậy không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Đối với 12 (mười hai) thanh sắt, loại sắt hộp (5x10)cm có chiều dài lần lượt là 453cm, 411cm, 470cm, 550cm, 320cm, 485cm, 460cm, 335cm, 520cm, 460cm, 455cm, 490cm (đã qua sử dụng); 01 (một) thanh sắt, loại sắt hộp (4x8) cm có chiều dài là 315cm (đã qua sử dụng) là số sắt L mua của Phùng Danh T để lại sử dụng trong trang trại. Vật chứng này, CQĐT đã trả lại cho bị hại nhà máy nước SD.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn dây thừng có chiều dài 14cm, một đầu của dây thừng buộc móc treo bằng sắt, chiều dài móc treo là 11 cm; 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 37cm, đường kính 1,5 cm; 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 30 cm, đường kính 1,7 cm và 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 31,5 cm, đường kính 1,6 cm là những phương tiện T, Đ dùng để trèo tường và vận chuyển sắt trong quá trình trộm cắp tài sản..

- Đề nghị tịch thu phát mại xung công quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu xanh, có số IMEI 1: 352885100526027, số IMEI 2: 352885101526026, có lắp sim số 0325.882.665 và 0857.847.363; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus, màu vàng, có số IMEI: 355729075006181, có lắp sim số 0868.695.919; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, số IMEI 1: 357966105872551, số IMEI 2:357967105872559, có lắp sim số : 0366.573.442; 01 (một) chiếc cân, loại cân đồng hồ 100kg nhãn hiệu "Nhơn Hoà" dùng để cân sắt thu giữ của Phùng Thị L; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7, màu xanh, có số IMEI 1: 351580103885071, số IMEI 2: 351581103885079, có lắp sim số 0352.789.976 và số sim 0385.481.202 thu giữ của Phùng Đăng Tr.

- Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hoa Mai, BKS: 29C-806.55, màu sơn xanh, có số máy : QQ160345065D, số khung: 11DDGCA00183 do Phùng Đăng Tr sử dụng để vận chuyển sắt đi tiêu thụ, xác định là tài sản chung vợ chồng của bị cáo Phùng Đăng Tr và vợ là chị Nguyễn Thị Ng, khi bị cáo Tr sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp, chị Ng không biết nên đề nghị tuyên trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hoa Mai, BKS: 29C-806.55 cho bị cáo Phùng Đăng Tr và chị Nguyễn Thị Ng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Vì,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đã nêu. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến ngày 23/7/2021, lợi dụng sự sơ hở của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì, không có người trông coi, bảo quản vật liệu xây dựng trong nhà máy nước sạch SD. Địa chỉ tại xã PS, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Phùng Danh T và Phùng Văn Đ nhiều lần đã có hành vi lén lút trèo tường bao vào bên trong nhà máy để trộm cắp tài sản là sắt phế liệu đem ra ngoài tường bao để Phùng Đăng Tr dùng xe ô tô nhãn hiệu Hoa Mai, BKS: 29C-806.55 của Tr 4 lần vận chuyển sắt mà T và Đ trộm cắp đến cơ sở thu mua phế liệu của Phùng Thị L tại cánh đồng thôn ĐH xã PS để bán cho L với giá 8000đ/ kg. Lần 1: T một mình thực hiện hành vi trèo tường vào bên trong trộm cắp 16 (mười sáu) cây sắt hộp, loại (5x10)cm, có chiều dài mỗi cây từ 3-6m, có trọng lượng 250kg đã qua sử dụng. Trị giá 2 000 000đ. Lần 2 : T và Đ cùng thực hiện hành vi lén lút T trèo tường bao vào bên trong còn Đ đứng trên tường để chuyển ra bên ngoài 10 (mười) tấm sắt (loại tấm sắt định hình bê tông) kích thước (1,2x0,6)m trọng lượng 400kg, đã qua sử dụng. Trị giá 3 200 000đ ; Lần 3 và lần 4 vẫn phương thức và hành vi cũ T trèo tường bao vào bên trong còn Đ đứng trên tường để chuyển (08 tấm) cây sắt hộp trong đó 07 (bảy) cây loại (5x10) cm chiều dài mỗi cây từ 3-6m và 01 (một) cây loại (4x8)cm chiều

dài 3,15m trọng lượng 100kg đã qua sử dụng Trị giá 800 000đ và lần thứ tư: 65 (sáu mươi lăm) tấm phen hình vuông có diện (95x95)cm, được làm bằng sắt xoắn phi 10, chưa qua sử dụng trị giá 12.216.750đ. Tổng cộng 4 lần trị giá tài sản theo kết luận định giá tài sản số: 118/2021/KL-ĐGTS ngày 16 tháng 09 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Vì kết luận: là **18.216.750** đồng. (Mười tám triệu, hai trăm mười sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). trong đó Đ tham gia trộm cắp 3 lần có giá trị là **16.216.000** đồng. Phùng Đăng Tr và Phùng Thị L đã có hành vi giúp sức tích cực cho T và Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo trong vụ án này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do vậy Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Phùng Danh T, Phùng Văn Đ, Phùng Đăng Tr, Phùng Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của các bị cáo, coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử phải xem xét đánh giá vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để có mức án đúng và phù hợp với tính chất cũng như mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong vụ án có đồng phạm, với tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, nên không có căn cứ để truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội có tổ chức, tuy nhiên trong vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia do vậy cần phải đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp. Đối với bị cáo Phùng Danh T

là người chủ mưu rủ rê trong các lần trộm cắp tài sản, T nảy sinh ý định trộm cắp và rủ Đ cùng tham gia, T chủ động liên lạc với L là người buôn bán phế liệu để có nơi tiêu thụ tài sản sau khi trộm cắp được, chủ động liên lạc với Tr là người có xe tải để phối hợp chở tài sản trộm cắp đến nơi tiêu thụ. Bản thân T là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện 04 (bốn) lần trộm cắp tài sản nhằm thu lợi bất chính, trực tiếp chuẩn bị công cụ, phương tiện để trộm cắp tài sản, do vậy bị cáo T giữ vai trò đầu và phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án. Bị cáo Phùng Văn Đ là người thực hành tích cực, sau khi được T rủ đi trộm cắp tài sản, do háms lợi nên Đ đã tham gia ba lần trộm cắp tài sản tại Nhà máy nước sạch SĐ, hưởng lợi bất chính từ số tiền bán tài sản trộm cắp. Hành vi của bị cáo Đ giữ vai trò thứ hai trong vụ án và chịu mức án sau bị cáo T. Vai trò cuối là hai bị cáo Tr và L. Bị cáo Tr là người được T thuê chở tài sản sau khi trộm cắp được, mặc dù biết rõ các vật liệu xây dựng là do T, Đ trộm cắp được từ Nhà máy nước SĐ nhưng Tr vẫn đồng ý dùng xe tải chở đến nơi tiêu thụ theo yêu cầu của T để hưởng lợi bất chính, giúp sức tích cực cho T, Đ. Bị cáo L là người buôn bán phế liệu, sau khi được T trao đổi, L nhận là nơi tiêu thụ tài sản do T, Đ trộm cắp được nhằm hưởng lợi bất chính, giúp sức tích cực cho T. Do đó bị cáo Tr, L phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức và chịu mức án ngang nhau sau bị cáo T, Đ.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện bốn lần trộm cắp tài sản, trong đó có ba lần trộm cắp tài sản có giá trị từ 2.000.000đ trở lên, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm i, b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy lẽ ra phải cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian theo Điều 38 BLHS để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên HĐXX xét thấy về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, các bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng hành vi thực hiện của các bị cáo hoàn toàn khác nhau. T trộm cắp 03 lần, Đ trộm cắp 02 lần từ đủ 2 000 000đ trở lên. Do vậy không cần cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách giao các bị cáo Phùng Văn Đ, Phùng Đăng Tr, Phùng Thị L về nơi cư trú để giám sát giáo dục cũng đủ sức giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

Tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng; Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì các bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về dân sự: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì đã nhận lại 13 thanh sắt hộp (tổng trọng lượng 266kg) cùng số tiền mặt là 16.100.000 đồng mà các bị cáo đã khắc phục hậu quả nay không yêu cầu đề nghị gì về dân sự. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

- Đối với 12 (mười hai) thanh sắt, loại sắt hộp (5x10)cm có chiều dài lần lượt là 453cm, 411cm, 470cm, 550cm, 320cm, 485cm, 460cm, 335cm, 520cm, 460cm, 455cm, 490cm (đã qua sử dụng); 01 (một) thanh sắt, loại sắt hộp (4x8)

cm có chiều dài là 315cm (đã qua sử dụng) là số sắt L để lại sử dụng trong trang trại. Vật chứng này, CQĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là nhà máy nước SD nên HĐXX không giải quyết.

- Đối với 01 (một) đoạn dây thừng có chiều dài 14cm, một đầu của dây thừng buộc móc treo bằng sắt, chiều dài móc treo là 11 cm; 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 37cm, đường kính 1,5 cm; 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 30 cm, đường kính 1,7 cm và 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 31,5 cm, đường kính 1,6 cm đây là những đoạn gậy tre T, Đ dùng để làm công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: **01**(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh, đã qua sử dụng có số IMEI 1: 352885100526027, số IMEI 2: 352885101526026, có lắp sim số 0325.882.665 và 0857.847.363; **01**(một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus, màu vàng, đã qua sử dụng có số IMEI: 355729075006181, có lắp sim số 0868.695.919; **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, số IMEI 1: 357966105872551, số IMEI 2: 357967105872559; **01**(một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7, màu xanh, có số IMEI 1: 351580103885071, số IMEI 2: 351581103885079; **01** (một) chiếc cân, loại cân đồng hồ 100kg nhãn hiệu "Nhon Hoà" đây là những phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc trao đổi và bàn bạc để thực hiện trộm cắp tài sản nên cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với **01** (một) xe ô tô nhãn hiệu Hoa Mai, BKS: 29C-806.55, màu sơn xanh, có số máy : QQ160345065D, số khung: 11DDGCA00183 xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Phùng Đăng Tr và vợ là chị Nguyễn Thị Ng, khi Tr đem xe đi sử dụng vào việc vận chuyển tài sản trộm cắp. Chị Ng không biết nên cần tuyên trả lại cho bị cáo Phùng Đăng Tr và chị Nguyễn Thị Ng.

- Đối với số tiền mà các bị cáo thu lời bất chính cần truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước cụ thể: Phùng Danh T thu lời bất chính 6.225.000đ. Phùng Văn Đ thu lời bất chính 4.375.000đ, Phùng Thị L thu lời bất chính 400.000 đồng, Phùng Đăng Tr thu lời bất chính 600.000 đồng.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. **Xử** : Tuyên bố các bị cáo Phùng Danh T, Phùng Văn Đ, Phùng Đăng Tr, Phùng Thị L về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Phùng Danh T **15** (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, và nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 của HĐTPTANDTC.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn Đ **12** (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Phùng Đăng Tr **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị L **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

*Giao các bị cáo **Phùng Văn Đ, Phùng Đăng Tr, Phùng Thị L** về Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Tr hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Tr hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này*

3/ **Về vật chứng vụ án:** Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn dây thừng có chiều dài 14cm, một đầu của dây thừng buộc móc treo bằng sắt, chiều dài móc treo là 11 cm; 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 37cm, đường kính 1,5 cm; 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 30 cm, đường kính 1,7 cm và 01 (một) đoạn gậy tre có chiều dài 31,5 cm, đường kính 1,6 cm là những đoạn gậy tre T, Đ dùng để treo tường và vận chuyển sắt trong quá trình trộm cắp tài sản.

- Tịch thu phát mại xung vào ngân sách nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352885100526027, số IMEI 2: 352885101526026, bên trong lắp 02 sim số 0325.882.665 và 0857.847.363; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 355729075006181, có lắp 01 sim số 0868.695.919; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357966105872551, số IMEI 2:357967105872559; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7, màu xanh, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 351580103885071, số IMEI 2: 351581103885079. và 01 (một) chiếc cân, loại cân đồng hồ 100kg nhãn hiệu "Nhơn Hoà" dùng để cân sắt thu giữ của Phùng Thị L đây là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc trao đổi và là công cụ để thực hiện trộm cắp tài sản.

- Tuyên trả: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hoa Mai, BKS: 29C-806.55, màu sơn xanh, dạng xe tải ben, tải trọng 1,25 tấn, có số máy : QQ160345065D, số khung: 11DDGCA00183 đã qua sử dụng cho Phùng Đăng Tr và chị Nguyễn Thị Ng.

(Như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa Công an huyện Ba Vì với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì).

Truy thu số tiền mà các bị cáo thu lời bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước cụ thể: Phùng Danh T phải nộp 6.225.000đ. Phùng Văn Đ phải nộp 4.375.000đ, Phùng Đăng Tr phải nộp 600.000 đồng, Phùng Thị L phải nộp 400.000 đồng.

Tiếp tục bảo thủ số tiền 400 000đ của Phùng Thị L CQĐT đã nộp vào tài khoản 22100100000001 của Chi cục Thi hành án huyện Ba Vì để đảm bảo thi hành án. Theo lệnh thanh toán ngày 24/12/2021 của AGRIBANK và (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 24 tháng 12 năm 2021).

4/ Án phí : Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Các bị cáo Phùng Danh T, Phùng Văn Đ, Phùng Đăng Tr, Phùng Thị L mỗi bị cáo phải nộp : 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Tr hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Công an huyện Ba Vì;
- THADS Ba Vì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dung

